

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**MỤC LỤC**

	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint stock Company.

Tên viết tắt: CECO

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên từ 01/01/2019 - 6/5/2019 - Bổ nhiệm Chủ tịch từ ngày 07/05/2019
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch từ 01/01/2019- 06/05/2019 - Bổ nhiệm Phó Chủ tịch từ 07/05/2019
Ông Vũ Minh Ngọc	Ủy viên từ 25/04/2019
Ông Đỗ Hiên Ngang	Ủy viên từ 01/01/2019 đến 25/04/2019
Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên từ 01/01/2019 đến 25/04/2019

**Ban kiểm soát**

Bà Trương Thanh Vân	Trưởng ban từ 01/01/2019-23/12/2019
Ông Trần Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ 29/10/2019
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lưu Ngọc Vĩnh	Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ 08/10/2019.
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Công Thắng**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020



*Số: 297/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính riêng năm 2019  
của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang số 6 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, Ngày 25 tháng 3 năm 2020

---

**Bùi Thị Thúy****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>418.975.862.648</b>	<b>522.927.265.977</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>24.182.938.136</b>	<b>66.838.157.467</b>
1. Tiền	111		1.000.155.858	48.814.833.993
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.182.782.278	18.023.323.474
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>203.667.294.690</b>	<b>284.080.418.022</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	111.272.763.885	64.296.188.861
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	30.767.975.810	62.338.306.231
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5.4	48.018.576.606	141.692.399.477
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.466.458.334	3.224.458.334
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	11.947.876.609	14.335.421.673
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>178.483.209.984</b>	<b>172.008.690.488</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.8	178.483.209.984	172.008.690.488
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.642.419.838</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	254.699.894	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	10.784.283.978	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	1.603.435.966	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>23.780.147.364</b>	<b>25.119.654.730</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.013.647.364</b>	<b>3.215.778.953</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	1.597.381.333	2.561.778.857
- Nguyên giá	222		18.988.514.474	18.988.514.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.391.133.141)	(16.426.735.617)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	416.266.031	654.000.096
- Nguyên giá	228		4.416.750.000	4.416.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.000.483.969)	(3.762.749.904)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.13	<b>21.766.500.000</b>	<b>21.766.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.068.500.000	17.068.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.060.000.000	3.060.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>137.375.777</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	-	137.375.777
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>442.756.010.012</b>	<b>548.046.920.707</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>359.171.559.702</b>	<b>464.532.886.156</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>359.171.559.702</b>	<b>464.532.886.156</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	48.188.651.154	29.357.505.957
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	185.387.415.604	210.357.261.789
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	467.243.296	9.336.580.168
4. Phải trả người lao động	314		1.776.284.912	1.718.309.689
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	23.076.223.986	119.734.993.496
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.507.882.995	533.711.953
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	98.767.857.755	93.494.523.104
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>83.584.450.310</b>	<b>83.514.034.551</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>83.584.450.310</b>	<b>83.514.034.551</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.930.720.095	17.930.720.095
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.883.370.215	5.812.954.456
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		5.812.954.456	1.743.555.890
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.415.759	4.069.398.566
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>442.756.010.012</b>	<b>548.046.920.707</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	268.358.897.246	364.428.119.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	-	47.915.116
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.22	268.358.897.246	364.380.204.037
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	248.490.744.533	339.977.911.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		19.868.152.713	24.402.292.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	2.175.816.399	3.253.897.967
7. Chi phí tài chính	22	5.24	9.439.879.041	1.566.089.944
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.316.956.818	1.322.172.906
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	14.483.220.605	21.339.462.872
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(1.879.130.534)	4.750.637.628
11. Thu nhập khác	31	5.26	2.646.370.037	848.774.093
12. Chi phí khác	32	5.26	578.116.000	494.556.088
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.068.254.037	354.218.005
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		189.123.503	5.104.855.633
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	118.707.744	1.035.457.067
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		70.415.759	4.069.398.566

Người lập biểu



Nguyễn Tuyết Chinh

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		189.123.503	5.104.855.633
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.202.131.589	1.927.550.466
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.544.575	(175.320.800)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.048.620.569)	(3.050.511.501)
- Chi phí lãi vay	06		9.316.956.818	1.322.172.906
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.712.135.916	5.128.746.704
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		67.400.630.300	(174.839.181.480)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.474.519.496)	(4.486.706.897)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(110.736.211.039)	65.574.701.808
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(117.324.117)	48.987.515
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.265.335.393)	(1.190.414.548)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(485.730.182)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		506.065.344	6.234.498.159
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		487.303.668	(6.638.223.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(51.972.984.999)	(110.167.592.242)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.943.181.818	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.120.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.071.991.425
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.105.438.751	2.595.153.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.048.620.569	7.787.144.663
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		315.565.996.164	151.769.002.854
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(310.292.661.513)	(58.274.479.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.273.334.651	93.494.523.104
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(42.651.029.779)	(8.885.924.475)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		66.838.157.467	75.724.081.942
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.189.552)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	24.182.938.136	66.838.157.467

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng



# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 59.770.360.000 đồng. Cổ đông Sở hữu vốn trong Công ty tại ngày chốt danh sách 05/03/2020:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VĐL (3*Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%
<b>Tổng</b>	<b>5.977.036</b>	<b>59.770.360.000</b>	<b>100,00%</b>

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CHEMICAL INDUSTRY ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CECO

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Số lao động bình quân trong năm 2019 là : 97 người (tại 01/01/2019 là 158 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 24/06/2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);



**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)**

- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2019, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường...



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Góp vốn</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Vốn đầu tư (VND)</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	3.060.000.000	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	12.408.500.000	55,33%	55,33%
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học	1.600.000.000	100,00%	100,00%
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây dựng công trình	3.060.000.000	36,40%	36,40%
<b>Đầu tư khác</b>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		1.638.000.000	1,14%	1,14%

**Các Chi nhánh trực thuộc**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Địa chỉ: Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh

**Các chi nhánh đã tiến hành giải thể tình hình giải thể như sau:**

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất tại Hà Nội

Đã hoàn thành thủ tục đóng MST ngày 11/06/2019

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ

Đã hoàn thành thủ tục đóng MST ngày 01/07/2019

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng

Số 1/70 Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất ra Quyết định số 386/QĐ-CECO về việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng từ ngày 01/01/2016. Chi nhánh Hải Phòng đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục đóng mã số thuế.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do bộ tài chính ban hành và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

**Tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Các khoản cho vay**

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

• Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)**

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ tối đa là 5 năm.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá mua của Phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

<b><u>Nhóm tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### *Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

##### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là: các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là tư vấn thiết kế, giám sát thi công, hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Công ty không phân tách các hoạt động do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	113.834.516	787.993.847
Tiền gửi ngân hàng	886.321.342	48.026.840.146
Các khoản tương đương tiền	23.182.782.278	18.023.323.474
<b>Tổng</b>	<b>24.182.938.136</b>	<b>66.838.157.467</b>

**5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>111.272.763.885</b>	<b>64.296.188.861</b>
<i>Các bên liên quan</i>		
- Công ty CP DAP số 2	37.406.795.821	37.406.795.821
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
<i>Bên khác</i>		
- CN Công ty CP Phân bón dầu khí Cà Mau - Ban QLDA CN	59.153.640.537	-
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	-	9.762.673.557
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	-	816.604.937
- Công ty liên doanh SUCHEL TBV S.A	1.923.378.971	-
- Các khách hàng khác	8.898.386.254	12.419.552.244
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>111.272.763.885</b>	<b>64.296.188.861</b>

**5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.767.975.810</b>	<b>62.338.306.231</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng AMECC	-	11.742.636.850
Công ty Cổ phần lắp máy & xây dựng Sài Gòn	5.685.869.182	7.953.287.146
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế DK	-	7.447.127.325
Công ty TNHH cung ứng CAD	-	5.401.783.288
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	-	3.607.172.878
Công ty IMECO	-	2.732.723.140
Công ty TNHH YOKOGAWA Việt Nam	-	2.689.830.000
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	-	2.516.910.000
HAZEMAG & EPR GmbH	-	2.187.191.748
Công ty cổ phần ECOWISE	7.994.456.250	1.598.891.250
Công ty TNHH vận tải và Dịch vụ VT3	7.075.254.225	1.273.781.868
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ	2.227.744.187	2.227.744.187
Công ty CP Máy và Thiết bị CN hóa chất VN	1.880.533.402	-
Các nhà cung cấp khác	5.904.118.564	10.959.226.551
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>30.767.975.810</b>	<b>62.338.306.231</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	556.178.492.078	327.385.938.117
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	17.238.148.963	18.284.533.435
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	573.416.641.041	345.670.471.552
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng (d)	(525.398.064.435)	(203.978.072.075)
<b>Nợ còn lại (a+b+d)</b>	<b>48.018.576.606</b>	<b>141.692.399.477</b>

**5.5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.466.458.334</b>	<b>3.224.458.334</b>
<i>Bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam (Lãi suất 8%/năm)	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Bên khác</i>		
Phải thu lãi cho vay	466.458.334	224.458.334
<b>Tổng</b>	<b>3.466.458.334</b>	<b>3.224.458.334</b>

**5.6 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.947.876.609</b>	-	<b>14.335.421.673</b>	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	457.681.667	-	763.681.667	-
- Tạm ứng cho nhân viên	10.235.404.474	-	11.648.174.666	-
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	25.585.653	-	33.202.068	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	11.609.018	-	19.213.109	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.735.053	-	30.000.000	-
- Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng	55.922.454	-	-	-
- Phải thu khác	1.125.938.290	-	1.841.150.163	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>11.947.876.609</b>	-	<b>14.335.421.673</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.7 NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.806.356.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó:</i>				
<b>Thời gian quá hạn</b>				<b>Trên 3 năm</b>
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp	-	-	-	1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai	-	-	-	200.000.000
Các khách hàng khác	-	-	-	466.079.554

**5.8 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	178.483.209.984	-	172.008.690.488	-
<b>Tổng</b>	<b>178.483.209.984</b>	<b>-</b>	<b>172.008.690.488</b>	<b>-</b>

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>178.483.209.984</b>	<b>172.008.690.488</b>
- Dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ("Dự án Muối Lào")	156.054.741.018	153.701.565.350
- Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	14.999.038.415	11.377.742.109
- Dự án khác	7.429.430.551	6.929.383.029
<b>Tổng</b>	<b>178.483.209.984</b>	<b>172.008.690.488</b>

(\*) Theo thông báo số VLCS(H)/TTCL(H)-L-4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hoá chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT) – Đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN-ĐT XD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo quy định của Hợp đồng.

Tại ngày phát hành báo cáo: Chủ đầu tư và nhà thầu đã có văn bản chấm dứt hợp đồng; các bên đang giải quyết vấn đề pháp lý khi chấm dứt hợp đồng để tiến tới quyết toán và thanh lý hợp đồng, VILACHEMSALT đã trả trước cho CECO số tiền 181.811.804.911 đồng. Hiện tại Các Nhà thầu đang kiện VILACHEMSALT tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>254.699.894</b>	<b>-</b>
- Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	254.699.894	
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>137.375.777</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	137.375.777
<b>Tổng</b>	<b>254.699.894</b>	<b>137.375.777</b>

**5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào	-	48.890.818.938	38.106.534.960	10.784.283.978
Thuế GTGT đầu ra	-	1.593.406.235	-	1.593.406.235
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		10.029.731	-	10.029.731
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>50.494.254.904</b>	<b>38.106.534.960</b>	<b>12.387.719.944</b>

**5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<b><i>Nguyên giá</i></b>					
Tại ngày 01/01	7.481.623.299	417.267.272	9.539.612.830	1.550.011.073	18.988.514.474
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	7.481.623.299	417.267.272	9.539.612.830	1.550.011.073	18.988.514.474
<b><i>Hao mòn lũy kế</i></b>					
Tại ngày 01/01	7.041.908.741	417.267.272	7.563.526.712	1.404.032.892	16.426.735.617
Tăng trong năm	62.841.007	-	828.469.151	86.905.817	978.215.975
Trích khấu hao	62.841.007	-	816.021.668	85.534.849	964.397.524
Phân loại lại		-	12.447.483	1.370.968	13.818.451
Giảm trong năm	13.818.451	-	-	-	13.818.451
Phân loại lại	13.818.451	-	-	-	13.818.451
Tại ngày 31/12	7.090.931.297	417.267.272	8.391.995.863	1.490.938.709	17.391.133.141
<b><i>Giá trị còn lại</i></b>					
Tại ngày 01/01	439.714.558	-	1.976.086.118	145.978.181	2.561.778.857
Tại ngày 31/12	390.692.002	-	1.147.616.967	59.072.364	1.597.381.333

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019: 16.792.549.561 đồng (tại 01/01/2019 là 9.953.739.737 đồng).

Nguyên giá và giá trị còn lại tại 31/12/2019 để cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt 7.300.302.221 đồng và 1.143.132.612 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH***Đơn vị tính: VND*

<b>Khoản mục</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng</b>
<b><i>Nguyên giá</i></b>		
Tại ngày 01/01	4.416.750.000	4.416.750.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	4.416.750.000	4.416.750.000
<b><i>Hao mòn lũy kế</i></b>		
Tại ngày 01/01	3.762.749.904	3.762.749.904
Tăng trong năm	237.734.065	237.734.065
Trích khấu hao	237.734.065	237.734.065
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	4.000.483.969	4.000.483.969
<b><i>Giá trị còn lại</i></b>		
Tại ngày 01/01	654.000.096	654.000.096
Tại ngày 31/12	416.266.031	416.266.031

Nguyên giá TSCĐ vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn giá trị sử dụng: 3.593.950.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**5.13 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

MÃU B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2019		01/01/2019		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
				Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>							
Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	1.240.850	55,33%	55,33%	17.068.500.000	(*)	17.068.500.000	(*)
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	306.000	51,00%	51,00%	3.060.000.000	(*)	3.060.000.000	(*)
Trung tâm Phát triển công nghệ CECO		100%	100%	1.600.000.000	(*)	1.600.000.000	(*)
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>							
Công ty CP Ceco Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.060.000.000	(*)	3.060.000.000	(*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>							
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Chất Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)	1.638.000.000	(*)
<b>Tổng</b>				<b>21.766.500.000</b>		<b>21.766.500.000</b>	

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do các Công ty này chưa niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48.188.651.154</b>	<b>48.188.651.154</b>	<b>29.357.505.957</b>	<b>29.357.505.957</b>
<i>Các bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	3.417.346.999	3.417.346.999	5.930.928.912	5.930.928.912
- Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	-	-	411.726.000	411.726.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	-	-	771.072.092	771.072.092
- Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	-	-	29.300.000	29.300.000
<i>Bên khác</i>				
K-UTECH AG Salt Technologies	10.116.180.360	10.116.180.360	10.182.466.008	10.182.466.008
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	13.949.683.249	13.949.683.249	-	-
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	2.772.000.000	2.772.000.000	-	-
TSUBACO SINGAPORE PTE LTD	-	-	1.793.908.000	1.793.908.000
Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn	2.333.765.930	2.333.765.930	1.732.422.292	1.732.422.292
Công ty CP DAP2 - Vinachem	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	2.034.284.071	2.034.284.071	-	-
Các nhà cung cấp khác	12.162.580.608	12.162.580.608	7.102.872.716	7.102.872.716
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>48.188.651.154</b>	<b>48.188.651.154</b>	<b>29.357.505.957</b>	<b>29.357.505.957</b>

**5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>185.387.415.604</b>		<b>210.357.261.789</b>	
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	181.811.804.911	181.811.804.911		
<i>Khách hàng khác</i>				
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	-	25.266.521.017	25.266.521.017
Các khách hàng khác	3.575.610.693	3.575.610.693	3.278.935.861	3.278.935.861
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>Tổng</b>	<b>185.387.415.604</b>		<b>210.357.261.789</b>	

**5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.775.970.915	50.485.426.548	58.960.784.316	300.613.147
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.121.009	3.121.009	-
Thuế TNDN	498.782.465	118.707.744	485.730.182	131.760.027
Thuế thu nhập cá nhân	61.826.788	137.844.715	164.801.381	34.870.122
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	820.926.647	820.926.647	-
Các loại thuế khác	-	203.810.812	203.810.812	-
<b>Tổng</b>	<b>9.336.580.168</b>	<b>51.769.837.475</b>	<b>60.639.174.347</b>	<b>467.243.296</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>23.076.223.986</b>	<b>119.734.993.496</b>
Trích trước chi phí các công trình		
- Dự án Đạm Cà Mau	22.749.678.285	119.072.639.953
- Các dự án khác	200.948.831	581.092.209
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	125.596.870	81.261.334
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>23.076.223.986</b>	<b>119.734.993.496</b>

**5.18 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.507.882.995</b>	<b>533.711.953</b>
Kinh phí công đoàn	245.446.552	6.803.849
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	474.809.520	12.022.920
Lãi vay phải trả ngân hàng	55.810.977	131.758.358
Dư có tài khoản tạm ứng	-	100.954.400
Phải trả khác	731.815.946	282.172.426
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.507.882.995</b>	<b>533.711.953</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÁU B 09 - DN

**5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>98.767.857.755</b>	<b>98.767.857.755</b>	<b>315.565.996.164</b>	<b>310.292.661.513</b>	<b>93.494.523.104</b>	<b>93.494.523.104</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (1)	47.567.857.755	47.567.857.755	210.401.092.326	229.932.079.628	67.098.845.057	67.098.845.057
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	-	-	25.964.903.838	52.360.581.885	26.395.678.047	26.395.678.047
Tổng công ty Vận tải thủy - CTCP (3)	42.700.000.000	42.700.000.000	70.700.000.000	28.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Liên hiệp XD Vạn Cường (3)	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>98.767.857.755</b>	<b>98.767.857.755</b>	<b>315.565.996.164</b>	<b>310.292.661.513</b>	<b>93.494.523.104</b>	<b>93.494.523.104</b>

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/6401629/HĐTD ngày 06/03/19, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 290.000.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2019/CTD/VCBHN-CECO ngày 30/08/19. Hạn mức tín dụng là: 13.000.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo bao gồm: 01. Tài khoản tiền gửi số 0025000948404 trị giá: 1 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 02. Tài khoản tiền gửi số 0025000952558 trị giá: 2 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 03. 5 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/2018/HĐTC/VCBHN-CECO ký ngày 13/08/18, giá trị 5 xe ô tô theo biên bản định giá lại tài sản tháng 7/2019 là 5.270.000.000 đồng.

(3) Các khoản vay vốn bổ sung vốn lưu động, không tính lãi.





**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận
				31/12/2019 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%	23.817.210.000
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%	3.139.410.000
<b>Tổng</b>	<b>5.977.036</b>	<b>59.770.360.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>59.770.360.000</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.977.036	5.977.036
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.930.720.095	17.930.720.095
<b>Tổng</b>	<b>17.930.720.095</b>	<b>17.930.720.095</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

e. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2018	59.770.360.000	17.930.720.095	1.743.555.890	79.444.635.985
Tăng trong năm	-	-	4.069.398.566	4.069.398.566
Lợi nhuận sau thuế	-	-	4.069.398.566	4.069.398.566
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	59.770.360.000	17.930.720.095	5.812.954.456	83.514.034.551
Tại ngày 01/01/2019	59.770.360.000	17.930.720.095	5.812.954.456	83.514.034.551
Tăng trong năm	-	-	70.415.759	70.415.759
Lợi nhuận sau thuế	-	-	70.415.759	70.415.759
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	59.770.360.000	17.930.720.095	5.883.370.215	83.584.450.310

Đơn vị tính: VND

MẪU B 09 - DN

Đ. N  
C. T  
KIỂM  
Đ. AI  
T. HA



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Ngoại tệ</i>		
USD	1.147	6.834
LAK	100	100
EUR	2.472	380

**5.22 DOANH THU**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	227.746.169.489	334.124.576.663
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	35.544.002.575	27.855.815.220
Doanh thu thi công và cho thuê nhà	5.068.725.182	2.447.727.270
<b>Tổng</b>	<b>268.358.897.246</b>	<b>364.428.119.153</b>
Các khoản giảm trừ ( <i>giảm giá hàng bán</i> )	-	47.915.116
<b>Tổng</b>	<b>268.358.897.246</b>	<b>364.380.204.037</b>

**5.23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	228.792.553.961	304.549.814.053
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế	17.198.403.022	32.550.605.942
Giá vốn thi công và cho thuê nhà	2.499.787.550	2.877.491.565
<b>Tổng</b>	<b>248.490.744.533</b>	<b>339.977.911.560</b>

**5.24 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Lãi tiền gửi và cho vay	2.105.438.751	2.683.311.501
Cổ tức được chia	-	367.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.377.648	203.386.466
<b>Tổng</b>	<b>2.175.816.399</b>	<b>3.253.897.967</b>
<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>		
Chi phí lãi vay	9.316.956.818	1.322.172.906
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.189.552	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	118.732.671	25.507.928
Lỗ do rút vốn vào Công ty con	-	218.409.110
<b>Tổng</b>	<b>9.439.879.041</b>	<b>1.566.089.944</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>(7.264.062.642)</b>	<b>1.687.808.023</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>14.483.220.605</b>	<b>21.339.462.872</b>
Chi phí nhân viên quản lý	6.955.886.297	9.009.374.367
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	129.781.648	199.923.592
Chi phí khấu hao TSCĐ	277.153.821	869.292.916
Thuế, phí, lệ phí	824.926.647	1.272.781.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.295.472.192	9.988.090.965
<b>Tổng</b>	<b>14.483.220.605</b>	<b>21.339.462.872</b>

**5.26 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản cố định, vật tư	1.943.181.818	-
Thu hợp tác sản xuất của CN Hồ Chí Minh	504.000.000	-
Xử lý nợ phải trả	-	81.322.000
Thu từ cho thuê văn phòng	-	420.000.000
Thu nhập khác	199.188.219	347.452.093
<b>Tổng</b>	<b>2.646.370.037</b>	<b>848.774.093</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền thuê nhà CN Hồ Chí Minh	487.303.668	-
Chi phí khác	90.812.332	494.556.088
<b>Tổng</b>	<b>578.116.000</b>	<b>494.556.088</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>2.068.254.037</b>	<b>354.218.005</b>

**5.27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>188.123.503</b>	<b>5.104.855.633</b>
<i>Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>	<i>188.123.503</i>	<i>5.104.855.633</i>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	405.415.218	439.629.702
Điều chỉnh giảm do thu nhập được miễn thuế	-	(367.200.000)
<b>Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường</b>	<b>593.538.721</b>	<b>5.177.285.335</b>
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>118.707.744</b>	<b>1.035.457.067</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.301.871.565	200.826.564.163
Chi phí nhân công	29.248.113.483	25.198.811.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.202.131.589	1.927.550.466
Chi phí phải trả đã trích	22.749.678.285	119.734.993.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.250.257.300	40.263.554.459
<b>Tổng</b>	<b>275.752.052.222</b>	<b>387.951.474.514</b>

**6. CÁC THÔNG TIN KHÁC****6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Giao dịch với các nhân sự chủ chốt*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng quản trị	Thù lao	-	200.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	-	72.000.000
Ban Giám đốc	Tổng thu nhập	573.351.809	1.480.692.380

*Số dư với các bên liên quan*

<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP DAP số 2	Phải thu khách hàng	37.406.795.821	37.406.795.821
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phải thu khách hàng	91.529.400	-
	Người mua trả tiền trước	-	195.828.618
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Phải thu khách hàng	120.000.000	-
	Trả trước cho người bán	54.106.724	-
	Phải trả người bán	-	771.072.092
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Người mua trả tiền trước	181.811.804.911	181.811.804.911
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Phải thu về cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
	Phải trả người bán	-	614.061.237
	Phải thu khác	924.140.001	682.140.001
	Trả trước cho người bán	1.880.533.402	-
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải trả người bán	3.417.346.999	5.930.928.912
	Phải thu khác	-	1.586.590.000
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Phải thu khác	10.748.939	12.318.668
	Phải thu khách hàng	45.000.000	-
	Người mua trả tiền trước	-	67.500.000
	Phải trả người bán	-	29.300.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Giao dịch với bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Cung cấp dịch vụ	218.181.818	163.636.364
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	19.690.000	-
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	1.354.428.449	449.991.818
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.784.438.845
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	-	1.203.013.045
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.375.818.182
Trung tâm phát triển công nghệ CECO	Cung cấp dịch vụ	81.818.182	92.936.307
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ thuê văn phòng CN HCM	487.303.668	589.090.909
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ thi công	4.166.687.323	8.249.924.130
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Sử dụng dịch vụ thi công, sửa chữa	-	687.008.506
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Mua hàng hóa	3.702.910.953	5.228.445.626
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Sử dụng dịch vụ	-	71.408.182
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Thu hồi gốc vay	-	3.000.000.000
	Lãi cho vay	-	10.000.000
	Cổ tức được chia	-	367.200.000
	Thu khác	-	120.000.000
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Cho vay	-	-
	Lãi cho vay	242.000.000	219.791.667
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất	Nhận lại vốn góp	-	2.124.379.131
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Thu khác	14.317.217	-

**6.2 THÔNG TIN SO SÁNH**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network, với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Tuyết Chinh



Đinh Đức Bộ



Nguyễn Công Thắng